| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày 22/8/2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thuận Lợi.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Huỳnh Trường Huân;

Ông Võ Văn Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn X**, sinh năm 1995 tại A, An Giang; Nơi cư trú và chỗ ở: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ sáu.

Tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2018 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*- Bị hại:*

Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1981; Cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959; Cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Ông Bùi Bá K, sinh năm 1970; Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1997; Cư trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1990; Cư trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Đặng Văn L, sinh năm 996; Cư trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Mai Thành P, sinh năm 1977; Cư trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 05/5/2018, Nguyễn Văn X, một mình đi bắt ốc tại đồng (thuộc ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang), khi đi đến khu vực ấp V, xã V thì X phát hiện xe mô tô biển số 67K1-013.83, nhãn hiệu HONDA loại Wave Alpha màu trắng của anh Nguyễn Xuân T, lúc này xe đang trong trạng thái mở nguồn, nên X nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 67K1-013.83, X tiếp cận đến xe và leo lên xe nổ máy chạy đi đến xã P, thị xã T ghé vào tiệm sửa chữa xe mô tô do anh Đặng Văn L làm chủ, ngụ ấp P, xã P để thay phụ tùng xe vừa trộm được vào xe mô tô Wave Trung Quốc biển số 67H6-7844 của X, nhưng L nói là không thay được nên X điều khiển xe mô tô vừa trộm chạy đi. Sau khi phát hiện xe bị mất trộm, anh T đến Công an xã V, huyện A trình báo sự việc. Sau khi nhận được tin báo của Công an xã V, Công an huyện A thông báo đến Công an các xã trên địa bàn huyện A và Công an xã lân cận trên địa bàn thị xã T biết sự việc và truy bắt đối tượng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày khi X điều khiển xe đến khu vực ấp P, xã P, thị xã T thì bị lực lượng Công an xã P bắt giữ X cùng tang vật rồi chuyển giao cho Cơ quan điều tra – Công an huyện A để điều tra xử lý.

Quá trình điều tra, X đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, ngoài ra X còn khai nhận cũng với phương thức, thủ đoạn tương tự thì trước đây X còn thực hiện 02 vụ trôm xe mô tô khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào sáng ngày 29/3/2018, X đã lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu ROMANTIC, màu sơn xám, biển số 52L6-8277 tại khu vực ấp P, xã P. Sau khi chiếm đoạt tài sản, X đem xe mô tô này đến tiệm mua bán xe cũ của anh Mai Thành P (D), ngụ ấp A, thị trấn A và bán cho anh P với giá 1.200.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: Vào sáng ngày 29/4/2018, X đã lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu FX WELL, màu sơn đỏ, biển số 67K1-1407 tại khu vực ấp V, xã V. Sau khi chiếm đoạt

tài sản, X đem xe mô tô này đến tiệm mua bán xe cũ của anh Lê Hồng Đ, ngụ ấp P, xã P và bán cho anh Đ với giá 800.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Căn cứ các Kết luận về việc định giá tài sản số 28 ngày 08/5/2018 và số 35 ngày 30/5/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Alpha, màu trắng, biển số 67K1 – 013.83 (đã qua sử dụng), có giá trị 10.500.000 đồng;

01 (một) xe mô tô biển số 67K1 – 1407, loại FX do Trung Quốc sản xuất (đã qua sử dụng), có giá trị 4.000.000 đồng.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản số 30 ngày 17/5/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T, tỉnh An Giang, xác định:

01 (một) xe mô tô, biển số 52L6 – 8277, hiệu Wave Trung Quốc, màu xám (đã qua sử dụng), có giá trị 1.400.000 đồng;

Tổng giá trị các tài sản bị chiếm đoạt là 15.900.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Ngày 08/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra xử lý.

Cáo trạng số: 35/CT-VKS.AP ngày 23 tháng 7 năm 2018 truy tố bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn X từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 05/5/2018 và xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, do thấy tài sản không người trông giữ nên nãy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của những bị hại như nội dung vụ án đã nêu; bị cáo không có ý kiến về tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt như kết quả định giá đã nêu.

Bị hại Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại Đ.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị hại Bùi Bá K vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét tính chất vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận lợi dụng việc tài sản không người trông giữ nên nãy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô của các bị hại rồi bán cho các cửa hàng mua bán xe cũ để lấy tiền tiêu xài cá nhân; phương thức, thủ đoạn bị cáo thực hiện để chiếm đoạt tài sản như nội dung vụ án đã nêu.

[4] Bị cáo thực hiện nhiều lần chiếm đoạt, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

[5] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 15.900.000 đồng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang dư luận, làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

[6] Cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng tội danh và hình phạt. Từ những căn cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và mức hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[7] Xét về nhân thân, mức hình phạt: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo ở các tình tiết tự thú; thành khẩn khai báo, ăn

năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là thành phần lao động nghèo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nhưng xét hoàn cảnh gia đình bị cáo đang khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Đ có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên công nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị hại và bị cáo.

Bị cáo đã nhờ người thân nộp số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) đã khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 0003056 ngày 15/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, cần tiếp tục duy trì số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Về số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán xe của bị hại Bùi Bá K, trong đó bị cáo X thu lợi 500.000 đồng nên buộc bị cáo phải nộp sung quỹ Nhà nước.

Cần tịch thu sung quỹ số tiền 400.000 đồng thu lợi chính của Huỳnh Văn A, Mai Thành P đã giao nộp để để sung quỹ Nhà nước.

Đối với các xe mô tô của ông Nguyễn Xuân T, ông Bùi Bá K đã nhận lại tài sản ở giai đoạn điều tra và các ông không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[11] Đối với Huỳnh Văn A, Mai Thành P, Lê Hồng Đ có giao dịch mua bán xe và thu lợi từ việc mua bán xe, do các ông không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[12] Xử lý vật chứng gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, màu sơn xanh, biển số 67H-7844, số máy 10402565, số khung: 002565, đã qua sử dụng (chưa kiểm tra thực tế bên trong); 01 (một) áo sơ mi tay dày màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) quần Jeans màu đen xám, đã qua sử dụng

Những vật chứng trên là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán xe bị chiếm đoạt mà ông A, ông P đã giao nộp cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 136; Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam (ngày 05/5/2018).

Trả lại cho bị cáo 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, màu sơn xanh, biển số 67H-7844, số máy 10402565, số khung: 002565, đã qua sử dụng (chưa kiểm tra thực tế bên trong); 01 (một) áo sơ mi tay dày màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) quần Jeans màu đen xám, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 007206 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

(Tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/7/2018 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện A và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn X nộp sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn X có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tiếp tục duy trì số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003056 ngày 15/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ thi hành án dân sự không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ các khoản tiền phải thi hành còn lại thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn X phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bị cáo, của đương sự có mặt hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án*

*dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện A (02);
- TAND tỉnh An Giang (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thuận Lợi**